

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1015/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 09-11-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương
Ông Nguyễn Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 và ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 99/2018/HNGĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 471/2018/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4469/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 249/17 B, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Xuân Thu T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 50/18 đường K, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đặng Minh T - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng: Bà Lê Thị Yến T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 50/18 đường K, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A trình bày:

Ông và bà Nguyễn Xuân Thu T chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 12/12/2012 của Ủy ban nhân dân Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ những ngày đầu chung sống nguyên nhân do tính tình và cách sống không phù hợp dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Xuân Thu T.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Lê Phúc Bảo K, sinh ngày 14/10/2014 hiện đang sống cùng với bà T. Cháu K chậm nói và chậm phát triển, gia đình ông cho cháu đi học tại trường phục hồi ngôn ngữ thấy có tiến triển tốt nhưng học được 02 tháng thì bà T cho cháu nghỉ học. Bà T chăm con không tốt, hay đưa cháu K đi đâu không rõ. Nay ông yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con vì ông có chỗ ở và thu nhập ổn định, và được gia đình hỗ trợ nên việc chăm sóc con của ông tốt hơn bà T.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn bà Nguyễn Xuân Thu T trình bày:

Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Tuấn A vì vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ 03 năm nay.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Lê Phúc Bảo K, sinh ngày 14/10/2014. Khi con được 04 tháng tuổi, bà và ông Nguyễn Tuấn A không còn chung sống với nhau, bà trực tiếp nuôi con và chăm sóc cháu rất tốt, cháu phát triển bình thường, có xác nhận của Công an Phường C, Ban điều hành khu phố và Ban giám hiệu Trường mầm non Phường E. Về việc cháu chậm nói, bà đã tham khảo sách báo để dạy con nên hiện tại cháu có tiến triển tốt. Nay bà yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu ông Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Người làm chứng bà Lê Thị Yến T trình bày:

Bà là mẹ ruột của bà Nguyễn Xuân Thu T. Bà Nguyễn Xuân Thu T và ông Nguyễn Tuấn A có một con chung tên Nguyễn Lê Phúc Bảo K. Bà đề nghị Tòa án giao trẻ Nguyễn Lê Phúc Bảo K cho ông Nguyễn Tuấn A nuôi dưỡng vì bà T không chăm sóc con chu đáo, có đôi lúc bà T giận dữ mang con đi khỏi nhà mấy ngày làm mọi người lo lắng. Do bà T không chăm sóc con chu đáo nên cháu K không phát triển tốt như những đứa trẻ khác. Trước đây cháu chậm nói nên gia đình bên nội cho cháu đi học ở trường phục hồi ngôn ngữ nhưng học được 02 tháng thì bà T không cho đi học nữa. Tuy cháu sống với mẹ nhưng gia đình ông Nguyễn Tuấn A chu cấp

mọi thứ, đóng tiền học, mua sữa, mua quần áo và nấu đồ ăn mang qua mỗi ngày nhưng bà T không cho con ăn và cũng không cho con qua nhà ông bà nội.

Bà đề nghị Tòa án xem xét về khả năng và điều kiện của bà T để giao cháu Nguyễn Lê Phúc Bảo K cho ông Nguyễn Tuấn A nuôi dưỡng.

Tại Bản án sơ thẩm số 471/2018/HNGĐ-ST ngày 01/8/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 77, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 105, 106, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 56, 57, 58, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình, Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Xuân Thu T thuận tình ly hôn.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Xuân Thu T không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự: Ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Xuân Thu T xác định vợ chồng không có khoản nợ chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai.

2. Không chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của ông Nguyễn Tuấn A.

Giao con chung tên Nguyễn Lê Phúc Bảo K (nam), sinh ngày 14/10/2014 cho bà Nguyễn Xuân Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/8/2018, ông Nguyễn Tuấn A nộp đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn A kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Lê Phúc Bảo K với lý do bà Nguyễn Xuân Thu T chăm sóc con không tốt, về điều kiện kinh tế, ông có chỗ ở và nghề nghiệp ổn định đủ khả năng nuôi con. Tuy nhiên, ông cũng đồng ý giao con cho bà Nguyễn Xuân Thu T nuôi dưỡng với điều kiện bà T phải cho ông đón cháu K về nhà chăm sóc trọn ngày chủ nhật hàng tuần và được đón cháu K vào chiều thứ hai, chiều thứ ba hàng tuần sau đó đưa cháu về nhà bà T lúc 20 giờ mỗi ngày.

- Bị đơn bà Nguyễn Xuân Thu T đề nghị được tiếp tục nuôi con. Bà đồng ý để ông Nguyễn Tuấn A được đón cháu K về nhà chăm sóc trọn ngày chủ nhật

hàng tuần và được đón cháu K vào chiều thứ hai, chiều thứ ba hàng tuần và đưa về nhà ông Tuấn A chăm sóc sau đó đưa cháu về nhà bà lúc 20 giờ mỗi ngày.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bà Nguyễn Xuân Thu T có chỗ ở, có việc làm và có thu nhập ổn định. Trẻ Nguyễn Lê Phúc Bảo K đã sống với bà T từ lúc vợ chồng ly thân đến nay, về chiều cao và cân nặng trẻ phát triển bình thường như những trẻ khác. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Xét về tình cảm và điều kiện thu nhập nhận thấy ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Xuân Thu T đều có khả năng và trách nhiệm nuôi con như nhau. Hiện nay trẻ Nguyễn Lê Phúc Bảo K đang có tiến triển tốt nên để không thay đổi môi trường sống của trẻ, cần duy trì tình trạng như hiện nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Tuấn A đồng ý giao con cho bà Nguyễn Xuân Thu T tiếp tục nuôi dưỡng và bà T cũng đồng ý với đề nghị của ông Tuấn A về việc đưa đón con. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Tuấn A kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung, các nội dung khác không có đương sự nào kháng cáo. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 12/12/2012 của Ủy ban nhân dân Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh thì hôn nhân giữa ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Xuân Thu T là hôn nhân hợp pháp, có một con chung tên Nguyễn Lê Phúc Bảo K, sinh ngày 14/10/2014.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn A, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Đối với con chung, bà Nguyễn Xuân Thu T và ông Nguyễn Tuấn A đều yêu thương con, đều muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi là nhằm đảm bảo quyền lợi của trẻ. Theo bà T khai, bà có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập hàng tháng. Về phía ông Tuấn A cho biết ông cũng có điều kiện tốt đảm bảo cuộc sống cho con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Tuấn A đồng ý giao trẻ Nguyễn Lê Phúc Bảo K cho bà Nguyễn Xuân Thu T nuôi dưỡng và yêu cầu bà T cho ông đón con về nhà chăm sóc trọn ngày chủ nhật hàng tuần và được đón con vào chiều thứ hai, chiều thứ ba hàng tuần sau đó đưa cháu về nhà bà T lúc 20 giờ mỗi ngày. Bà Nguyễn Xuân Thu T đồng ý với cách thức chăm sóc con theo đề nghị của ông Nguyễn Tuấn A.

Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa ông Nguyễn Tuấn A và bà Nguyễn Xuân Thu T đã thỏa thuận được về việc nuôi con. Xét thỏa thuận nêu trên của các đương sự là không trái quy định pháp luật, không ảnh hưởng quyền lợi của trẻ nên căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ghi nhận bà T không yêu cầu ông Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án sơ thẩm số 471/2018/HNGĐ-ST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận D về phần con chung.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

- Ông Nguyễn Tuấn A đồng ý giao trẻ Nguyễn Lê Phúc Bảo K, sinh ngày 14/10/2014 cho bà Nguyễn Xuân Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ông Nguyễn Tuấn A được đón trẻ Nguyễn Lê Phúc Bảo K về nhà chăm sóc trọn ngày chủ nhật hàng tuần và được đón trẻ K vào chiều thứ hai, chiều thứ ba hàng tuần sau đó đưa cháu về nhà bà Nguyễn Xuân Thu T lúc 20 giờ mỗi ngày.

- Bà Nguyễn Xuân Thu T không yêu cầu ông Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có căn cứ, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tuấn A phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0016172 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận D. Ông Nguyễn Tuấn A đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận D;
- Chi cục THADS Quận D;
- UBND Phường C, Quận D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên